

Bản án số: 40/2019/HS-PT
Ngày 20 – 6 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Bà Vũ Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2018 do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Xuân H và Nguyễn Minh N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2018/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Xuân H, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn NL, xã ĐH, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đỗ Xuân S và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

Nguyễn Minh N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 01/02/19 ĐBP, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 374 PTĐ, phường ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H1; có chồng là Nguyễn Đức Q và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 11/11/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện AD tiến hành kiểm tra hành chính tại số nhà 30 đường số 1, khu dân cư AT, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng phát hiện Đỗ Xuân H và Nguyễn Minh N có hoạt động mua bán trái phép hóa đơn. Tiến hành khám xét khẩn cấp, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số đồ vật, tài liệu liên quan gồm: 01 dấu tròn, 01 dấu hình chữ nhật của Công ty TNHH thương mại đầu tư xây dựng 27-7 (gọi tắt Công ty TNHH 27-7), 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Đức L, 01 dấu ghi bán hàng qua điện thoại; 01 máy in nhãn hiệu Canon LBP-1210 màu trắng, 01 màn hình máy vi tính View Sonic màu đen, 01 máy vi tính cây nhãn hiệu Fujitsu model EMVDF2AOE1 màu trắng, 01 máy scan Canon LIDE 120 màu đen, 01 model FPT, 01 xe mô tô biển số 16S5-1708, 01 xe mô tô biển số 16L3-3329, 01 quyền hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thương mại đầu tư xây dựng và thủy lợi An Phát (gọi tắt Công ty An Phát), 05 quyền hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH 27-7, 13 tờ hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 do Công ty TNHH 27-7 mua vào và một số giấy tờ tài liệu khác.

Ngoài ra, liên quan đến hành vi phạm tội của Đỗ Xuân H, ngày 06 tháng 11 năm 2017, anh Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn QT, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng đến Công an huyện AD giao nộp: 01 dấu tròn của Công ty An Phát, 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Thị V, 02 dấu chữ ký màu xanh; 01 quyền hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty An Phát; 20 quyền hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH thương mại xây dựng và điện máy Vân Nam (gọi tắt Công ty Vân Nam), 15 tờ hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 do Công ty An Phát mua vào và một số giấy tờ tài liệu khác. Anh T2 trình bày: Số đồ vật, tài liệu nói trên là do anh Đỗ Xuân L1 ở phường VN, LC là bạn của Đỗ Xuân H đem đến xưởng sửa chữa ô tô của anh T2 tại số 339 TL, VN, LC gửi vào ngày 28 tháng 10 năm 2017 để chờ H đến lấy.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Xuân H khai nhận:

Công ty Vân Nam do Nguyễn Văn P, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn TQ, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng thành lập vào tháng 6 năm 2014, mã số doanh nghiệp: 0201559983, trụ sở đăng ký tại số 362 Cẩm La, xã Thanh Sơn, huyện KT, thành phố Hải Phòng, địa điểm kinh doanh tại số 856 đường NVL, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng. H được thuê làm giám đốc công ty và chịu sự điều hành của P. Tháng 8 năm 2015, H nhận chuyển nhượng lại phần vốn của P và trực tiếp điều hành hoạt động Công ty Vân Nam từ đó. Đến tháng 5 năm 2016 do thấy kinh doanh không hiệu quả nên H chuyển sang mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Cụ thể từ tháng 5 năm 2016 đến khi Công ty Vân Nam ngừng hoạt động (tháng 10 năm 2016), H đã chỉ đạo cho Nguyễn Minh N là kế toán viết không

87 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa tính thuế là 18.156.604.812 đồng bán cho 27 doanh nghiệp và 01 cá nhân. Số tiền H thu lợi từ việc bán hóa đơn không của Công ty Vân Nam là 181.566.048 đồng, tương ứng với 01% doanh số chưa tính thuế ghi trên hóa đơn.

Tháng 11 năm 2016 H cùng Nguyễn Đức H2, sinh năm 1968, nơi cư trú: số 72 NVL, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng thành lập Công ty An Phát, mã số doanh nghiệp: 0201750309, trụ sở đăng ký tại số 13 LQU, phường BS, quận KA, thành phố Hải Phòng. H thuê bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966, nơi cư trú: thôn VC, xã HB, huyện KT, thành phố Hải Phòng làm giám đốc và Nguyễn Minh N làm kế toán. Thời gian đầu H đặt văn phòng công ty tại số 794 sau chuyển đến số 856 NVL, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng để hoạt động. Công ty An Phát không kinh doanh hàng hóa có thật mà chỉ hoạt động mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không. Bà V tuy đứng tên giám đốc Công ty An Phát nhưng thực tế không biết công ty hoạt động ra sao. Do bất đồng trong việc làm ăn giữa H và H2 nên đến tháng 6 năm 2017 Công ty An Phát dừng hoạt động. Từ khi thành lập cho đến tháng 6 năm 2017, H đã chỉ đạo cho N viết không 56 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa tính thuế là 5.012.363.042 đồng bán cho 30 đơn vị, doanh nghiệp. Số tiền H thu lợi từ việc bán hóa đơn không của Công ty An Phát là 50.123.630 đồng, tương ứng với 01% doanh số chưa tính thuế ghi trên hóa đơn.

Tháng 4 năm 2017, H mua lại Công ty TNHH 27-7 AD, mã số doanh nghiệp: 0201650110, trụ sở đăng ký tại số 794 NVL, AD, AD, Hải Phòng do ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1956, nơi cư trú: số 794 NVL, thôn TQ, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng làm giám đốc. Sau khi làm thủ tục đổi tên thành Công ty TNHH thương mại đầu tư xây dựng 27-7 (viết tắt là Công ty 27-7), H tiếp tục nhờ ông L đứng tên giám đốc công ty và thuê nhà số 30 đường số 1 khu AT, xã AD, huyện AD để hoạt động. Công ty 27-7 do H điều hành không kinh doanh hàng hóa có thật mà chỉ thực hiện việc mua bán hóa đơn giá trị gia tăng không. Ông L tuy là người ký vào các hóa đơn, chứng từ cho Công ty TNHH 27-7 nhưng thực tế không biết công ty hoạt động ra sao. Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017, H đã chỉ đạo cho kế toán là Nguyễn Minh N viết không 52 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa tính thuế là 3.273.306.703 đồng bán cho 27 đơn vị, doanh nghiệp (trong đó có 01 tờ hóa đơn ký hiệu AA/16P số 0000130 đã thu hồi, xóa bỏ, còn lại 51 tờ hóa đơn với doanh số chưa tính thuế là 3.181.506.703 đồng). Số tiền H thu lợi từ việc bán hóa đơn không của Công ty TNHH 27-7 là 31.815.067 đồng, tương ứng với 01% doanh số chưa tính thuế ghi trên hóa đơn.

Tại các địa điểm giao dịch của các công ty trên, H treo biển công ty, để con dấu, tài liệu và máy vi tính kết nối mạng để kế toán viết hóa đơn, soạn hợp đồng, các báo cáo gửi cơ quan thuế đồng thời cũng là để đối phó với sự kiểm tra của cơ quan chức năng. Do hai Công ty Vân Nam và An Phát đã ngừng hoạt động nên khi

chuyển đến địa điểm mới H đem các giấy tờ, tài liệu của 02 Công ty trên đến gửi tại nhà anh Đỗ Xuân L1.

Để hợp lý hóa chứng từ kê khai thuế, H đã mua hóa đơn đầu vào từ các công ty: Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Hòa Lộc, Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng vận tải Phương Đông, Công ty TNHH đầu tư thương mại Vinh Hải, Công ty TNHH đầu tư thương mại Tâm Phương, Công ty cổ phần phát triển khoa học và công nghệ ứng dụng miền Duyên Hải, Công ty TNHH thương mại Hải Hưng Hiền thông qua các cá nhân, người môi giới (H không nhớ số lượng hóa đơn đã mua của từng công ty).

Nguyễn Minh N biết rõ thực chất hoạt động của 03 công ty nhưng vẫn đồng ý làm việc cho H. N là người trực tiếp viết hóa đơn và lập các hợp đồng không để giúp H thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn.

Số tiền chênh lệch mà H thu được từ việc mua và bán hóa đơn giá trị gia tăng không là 01% của tổng số tiền thanh toán trước thuế ghi trên hóa đơn. Để hợp thức hóa hoạt động mua bán trái phép hóa đơn, đối với những hóa đơn ghi giá trị hàng hóa từ 20.000.000 đồng trở lên thì được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. H làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản của các công ty do H điều hành cho các đơn vị đã bán hóa đơn, sau đó những người mà H liên hệ mua hóa đơn trả lại cho H bằng tiền mặt và giữ lại khoản tiền phần trăm đã thỏa thuận khi mua hóa đơn. Đối với các đơn vị mua hóa đơn thì chuyển tiền vào tài khoản công ty của H, sau đó H đưa giấy rút tiền có chữ ký giám đốc đưa cho N đến ngân hàng rút tiền mặt trả lại cho bên mua hóa đơn và giữ lại khoản tiền phần trăm đã thỏa thuận khi bán hóa đơn. Cũng có lần H tự bỏ tiền nộp vào tài khoản các đơn vị đã mua hóa đơn, sau đó sử dụng ủy nhiệm chi đã ký sẵn chuyển khoản số tiền đó vào tài khoản công ty của H, còn chi phí mua hóa đơn thì họ trả cho H bằng tiền mặt. Việc giao dịch ngân hàng do H và N thực hiện.

Công ty Vân Nam mở tài khoản số 102010002002783 tại Ngân hàng TMCP Công thương Lê Chân, Hải Phòng và tài khoản số 32110000769018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Hải Phòng. Công ty An Phát mở tài khoản số 32810000081784 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Lạch Tray, Hải Phòng. Công ty 27-7 mở tài khoản số 2102201005194 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh AD, Hải Phòng và tài khoản số 32110000931136 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Hải Phòng.

Quá trình hoạt động của 03 công ty, H đã xuất tổng cộng 226 hóa đơn giá trị gia tăng cho 66 đơn vị, doanh nghiệp (có nhiều doanh nghiệp trao đổi mua bán nhiều lần); Trong đó có 194 hóa đơn xuất không cho 65 đơn vị, doanh nghiệp với tổng giá trị hàng hóa chưa tính thuế là 26.350.474.557 đồng, có 31 hóa đơn xuất cho Công ty TNHH quảng cáo và thương mại AE là có hàng hóa, 01 hóa đơn xuất cho Công ty cổ phần hợp tác công nghệ và viễn thông toàn cầu đã hủy và có biên bản thu hồi. Tổng số tiền H thu lợi từ bán hóa đơn không là 263.504.745 đồng;

Trong đó chi nộp thuế 21.284.128 đồng, chi thuê địa điểm làm văn phòng 33.300.000 đồng, chi mua sắm thiết bị 10.000.000 đồng, chi trả lương cho N 51.000.000 đồng, chi 15.000.000 đồng mua lại Công ty 27-7, số tiền còn lại H được hưởng là 132.920.617 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Minh N khai nhận: N làm kế toán cho các công ty của Đỗ Xuân H từ tháng 10 năm 2015 đến khi bị cơ quan công an phát hiện. Thời gian đầu Công ty Vân Nam do H làm giám đốc hoạt động kinh doanh hàng hóa có thật nhưng từ tháng 5 năm 2016 H không kinh doanh hàng hóa nữa mà chuyển sang mua bán hóa đơn khống. H là người trực tiếp giao dịch với bên mua và bán hóa đơn. Công việc của N là viết hóa đơn, soạn hợp đồng khống, tổng hợp số lượng hóa đơn bán ra và giá trị tiền hàng hóa để H đi mua hóa đơn đầu vào cho phù hợp với số lượng hàng hóa và tương đương với số tiền đã bán ra để kê khai với cơ quan thuế. Ngoài ra, N còn giúp H đi rút tiền tại ngân hàng về đưa lại cho H hoặc chuyển trả lại cho khách theo sự phân công của H. N xác nhận số lượng hóa đơn khống mà N đã viết để H thực hiện việc mua bán như trên, phù hợp với lời khai của H.

Thời gian đầu H trả lương cho N là 2.500.000đ/ tháng, từ tháng 6 năm 2017 thì N được trả lương 4.000.000đ/tháng. Tổng số tiền lương mà N nhận được tính từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 9 năm 2017 là 51.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được 28 hóa đơn giá trị gia tăng mà H mua vào từ 06 công ty (không thu được hóa đơn mua vào của Công ty Vân Nam) với doanh số chưa tính thuế là 8.544.478.948 đồng.

Bản Kết luận giám định số 62/KLGD ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận :

- Chữ viết tại các mục in sẵn và chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Minh N tại mục “Người bán hàng” trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Minh N, sinh năm 1991, ĐKHKT: số 01/02/19 Điện Biên Phủ, MT, NQ, Hải Phòng, chỗ ở: số 374 Phủ Thượng Đoạn, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trên các tài liệu mẫu so sánh là chữ viết, chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký không ghi họ tên và chữ ký mang tên Giám đốc Đỗ Xuân H tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Đỗ Xuân H, sinh năm 1982, nơi cư trú: Thôn NL, xã ĐH, huyện KT, thành phố Hải Phòng trên tài liệu mẫu so sánh là chữ ký của cùng một người.

- Chữ ký không ghi họ tên và chữ ký mang tên Giám đốc Nguyễn Đức L tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của Nguyễn Đức L, sinh năm 1956, nơi cư trú: số 794 NVL, thôn TQ, xã AD, huyện AD, thành phố Hải Phòng trên tài liệu mẫu so sánh là chữ ký của cùng một người.

Kết quả xác minh tại Cơ quan thuế đối với các Công ty Vân Nam, Công ty An Phát, Công ty TNHH 27-7 do H điều hành thể hiện:

Từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 10 năm 2016, Công ty Vân Nam kê khai doanh số bán ra chưa tính thuế là 18.881.717.926 đồng, kê khai mua vào với doanh số chưa tính thuế là 18.250.657.922 đồng, tổng số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 10 năm 2016 là 12.212.762 đồng.

Từ quý 4 năm 2016 đến quý 3 năm 2017 Công ty An Phát kê khai doanh số bán ra chưa tính thuế là 5.273.583.710 đồng, kê khai mua vào với doanh số chưa tính thuế là 5.245.958.948 đồng, tổng số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 5.512.477 đồng.

Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 9 năm 2017, Công ty TNHH 27/7 kê khai doanh số bán ra chưa tính thuế là 3.326.566.703 đồng, kê khai mua vào với doanh số chưa tính thuế là 3.299.412.727 đồng, tổng số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là 3.558.889 đồng. Tổng số tiền thuế mà 03 công ty đã nộp ngân sách nhà nước trong các thời điểm trên là 21.284.128 đồng. Không xác định được số hóa đơn kê khai mua vào của 03 công ty trên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế H và đầu tư Hải Phòng đã ra Quyết định số 7149/QĐ-ĐKKD thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Vân Nam.

Tài liệu xác minh tại các Ngân hàng nơi Công ty Vân Nam, Công ty An Phát, Công ty TNHH 27-7 mở tại khoản thể hiện: Tài khoản số 102010002002783 (nay là tài khoản số 113000124201) của Công ty Vân Nam tại Ngân hàng TMCP Công thương Lê Chân, Hải Phòng đến ngày 10 tháng 7 năm 2018 có số dư là 371.719 đồng. Tài khoản số 32110000769018 của Công ty Vân Nam tại Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hải Phòng đến ngày 17 tháng 7 năm 2018 có số dư là 51.911 đồng. Tài khoản số 32810000081784 của Công ty An Phát tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Lạch Tray, Hải Phòng đến ngày 01 tháng 7 năm 2017 có số dư là 1.300.019 đồng. Tài khoản số 32110000931136 của Công ty 27-7 tại Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hải Phòng đến ngày 29 tháng 5 năm 2018 có số dư là 92.228.740 đồng. Tổng số tiền 03 công ty còn trong tài khoản là 93.952.388 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 62/2018/HS-ST ngày 24/10/2018, Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; Điều 17, Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đỗ Xuân H 15 tháng tù về tội “Mua bán trái hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 đến ngày 18/01/2018. Phạt tiền bị cáo 20.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt Nguyễn Minh

N 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 đến ngày 11/11/2017. Phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn quyết định nghĩa vụ nộp lại tiền thu lợi bất chính , tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/10/2018, bị cáo Đỗ Xuân H, Nguyễn Minh N đều có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt hưởng chính sách khoan hồng của nhà nước, được cải tạo ngoài xã hội. Việc kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân; vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Đỗ Xuân H 15 tháng tù, bị cáo Nguyễn Minh N 09 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới. Tuy nhiên, xét vai trò phạm tội của các bị cáo: Bị cáo H là người chủ mưu, khởi xướng, thuê bị cáo N và là người trực tiếp hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo N có vai trò giúp sức, làm thuê cho bị cáo H và được hưởng lương từ bị cáo H, bị cáo N hiện đang nuôi con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân H, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H – giữ nguyên Bản án sơ thẩm; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 356, điểm e khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh N, chấp nhận kháng cáo của bị cáo N – sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Xuân H, Nguyễn Minh N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[2] Từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2017, Đỗ Xuân H đã trực tiếp điều hành 03 Công ty: Công ty Vân Nam, Công ty An Phát, Công ty TNHH 27-7 để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Nguyễn Minh N là người giúp sức, cùng thực

hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn với H. Tổng số H đã xuất bán 194 hóa đơn không (là số lượng rất lớn, đặc biệt lớn) với doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn là 26.350.474.557 đồng cho 65 đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân với số tiền thu lợi bất chính là 263.504.745 đồng (là số tiền thu lợi bất chính lớn); trong đó, đã nộp Ngân sách nhà nước 21.284.128 đồng. Bị cáo Nguyễn Minh N giúp sức cho bị cáo H mua bán trái phép hóa đơn và được H trả lương thời gian đầu là 2.500.000 đồng/tháng, từ tháng 6/2017 thì N được trả lương 4.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lương mà N nhận được tính từ tháng 5/2016 đến tháng 9/2017 là 51.000.000 đồng.

[3] Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra từ trước khi thời điểm Bộ luật Hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự 1999. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Xuân H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015, bị cáo Nguyễn Minh N về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ngoài xã hội của các bị cáo:

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình và trực tiếp nộp một phần tiền thu lợi bất chính, bị cáo H có bố là thương binh nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Xuân H 15 tháng tù; Nguyễn Minh N 09 tháng tù là thỏa đáng, không nặng.

[5] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt của các bị cáo mà cấp sơ thẩm tuyên đã phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[6] Bị cáo Đỗ Xuân H là người khởi xướng, chủ mưu trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài; số lượng hóa đơn mua bán rất lớn; bị cáo trực tiếp được hưởng lợi từ việc mua bán hóa đơn, mặc dù bị cáo nộp một phần tiền thu lợi bất chính, nhưng căn cứ vào vai trò phạm tội của bị cáo trong vụ án, xét thấy bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa – giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo H.

[7] Bị cáo Nguyễn Minh N là kế toán, có vai trò giúp sức, làm thuê được hưởng lương do bị cáo H trả từ nguồn tiền mua bán trái phép hóa đơn GTGT, bị cáo đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính, nhân thân tốt, hiện đang nuôi con nhỏ, bị cáo N có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho bị cáo N được hưởng án treo.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đỗ Xuân H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân H: Không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh N: Sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; Điều 17, Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 và xử phạt Đỗ Xuân H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2017 đến ngày 18/01/2018.

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt Nguyễn Minh N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Minh N cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đỗ Xuân H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Minh N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 62/2018/HS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND h. AD;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an h. AD;
- Tòa án h. AD;
- Cơ quan THA HS h. AD;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm